TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **64**/2018/DS-ST
Ngày 27-11-2018
v/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Nguyễn Thị Bình;

2.Ông Nguyễn Đình Ba;

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2018/TLST- DS, ngày 10/8/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2018/QĐXXST-DS ngày 8/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2018/QĐST-DS, ngày 20/11/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông **Tiêu Văn T** sinh năm 1965. Có mặt.

Trú tại: Số 101 HV, tổ 3, khu phố X, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1967. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ 2, Khu phố Y, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

-Ông **Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1967 (chồng bà D). Có mặt

Trú tại: Tổ 2, Khu phố Y, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

-Bà **Bùi Thị O**, sinh 1967 (vợ ông T). Vắng mặt.

Trú tại: Số 101 HV, tổ 3, khu phố X, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

4.Người làm chứng: Ông **Phạm Văn Tr**, sinh 1973. Vắng mặt.

Trú tại: Số 76 CMT8, khu phố X, thị trấn VX, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2018, bản khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tiêu Văn T trình bày: Ngày 28/11/2016 bà Nguyễn Thị D có đến nhà vay của ông Tiêu Văn T và bà Bùi Thị O số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay có ông Phạm Văn Tr làm chứng và ký tên trong giấy vay. Khi vay bà D có viết giấy vay, nhưng về thời hạn vay và lãi suất không ghi trong giấy vay, chỉ thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay khoảng 2 tháng. Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến nay bà D không hề trả nợ gốc, lãi gì cho ông T, bà O. Nay ông T yêu cầu bà D và ông Nguyễn Văn Th chồng bà D phải trả số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 1,125%/tháng, tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

Chứng cứ do ông T đưa ra là "Giấy mượn tiền" ghi ngày 20/10 âm lịch nhằm ngày 28/11/2016.

Tại bản khai, bản tường trình bị đơn Nguyễn Thị D trình bày: Bà D có vay của vợ chồng ông T số tiền 60.000.000 đồng, theo đúng như đơn khởi kiện của ông T. Bà D hứa sẽ trả số tiền trên. Việc bà D vay tiền của ông T, bà O là để trả nợ cho khoản vay của một người mà trước đó bà D đã vay dùm cho bạn của bà D. Khi vay tiền này của ông T, bà O bà D không dám cho ông Th chồng của bà biết, nên ông Th không có liên quan gì đến khoản vay này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị O: Hoàn toàn thống nhất theo trình bày của chồng là ông Tiêu Văn T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th trình bày: Việc bà D vay tiền của vợ chồng ông T, thì ông Th không được biết. Ông Th cũng không thấy bà D dùng số tiền vay của ông T sử dụng gì cho gia đình, người cho vay tiền là vợ chồng ông T cũng không báo cho ông Th biết về việc này. Tại thời điểm cuối năm 2016, bà D gây ra nợ nần đối với nhiều người và đã có nhiều người khởi kiện tại Tòa án, hậu quả của việc này là vợ chồng ông Th phải bán nhà trả nợ. Do đó, ông Th không đồng ý cùng bà D trả số nợ này cho vợ chồng ông T, với lý do: Bà D vay số tiền này không sử dụng cho gia đình, khi vay bà D và ông T không hề cho ông Th biết.

Người làm chứng Phạm Văn Tr khai: Trong năm 2016, chị của ông Tr là bà D nhờ ông Tr chỉ chổ vay tiền. Do đó, ông Tr dẫn bà D đến nhà ông T, bà O vay. Khi bà D vay tiền của ông T không có ông Th. Sau khi bà D vay tiền của ông T một thời gian, ông Tr đến nhà ông T trả số nợ mà ông Tr đã vay trước đó, thì ông T bà O nhờ ông Tr ký vào chổ người làm chứng trên giấy bà D viết mượn tiền.

Tòa án đã tiến hành phiên họp về giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn Nguyễn Thị D không tham gia, nên không tiến hành hòa giải được.

Những tình tiết trong vụ án mà các bên đã thống nhất: Ngày 28/11/2016 bà Nguyễn Thị D vay của vợ chồng ông Tiêu Văn T số tiền 60.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về phần thủ tục: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị O vắng mặt, xét thấy bị đơn, bà O đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt.

[2] Đối với việc xác định pháp luật áp dụng trong quan hệ này là Bộ luật dân sự năm 2005, vì quan hệ dân sự này xác lập trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Quan hệ vay tài sản giữa các bên được xác lập vào ngày 28/11/2016, nhưng không xác định thời hạn chấm dứt hợp đồng là ngày nào; đến ngày 26/7/2018, nguyên đơn làm đơn khởi kiện tại Tòa án, nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là: Hợp đồng vay tài sản.

[4] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn Th cùng chịu trách nhiệm trả số nợ vay 60.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định: Việc bà D vay của ông T, bà O số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 28/11/2016 là rõ ràng, vì có giấy mượn tiền do bà D tự viết và thừa nhận. Do đó bà D phải chịu trách nhiệm trả số nợ này cho vợ chồng ông T là phù hợp Điều 290, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc vợ chồng ông T yêu cầu ông Th chồng bà D liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ này là không chính đáng, bởi những căn cứ sau đây: Việc bà D vay tiền của ông T vào ngày 28/11/2016 ông Th không biết, vì trong giấy vay không có tên ông Th và ông Th cũng không ký tên vào giấy này. Ông Th cho rằng bà D vay tiền không đưa vào sử dụng chung cho gia đình, còn người khởi kiện thì không chứng minh được là bà D vay nhằm mục đích gì, riêng bà D cho rằng vay để sử dụng vào việc riêng của cá nhân, không liên quan đến gia đình và ông Th không biết. Bản thân ông Th không thừa nhận trả nợ cùng bà D. Hơn nữa tại thời điểm vay tiền của ông T, thì bà D đang nợ của nhiều người với số tiền rất lớn, nhưng khi vay tiền của ông T, bà D lại không cho ông Th biết, nên không thể buộc ông Th chịu trách nhiệm liên đới trong việc trả số nợ này cho ông T, bà O như quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tiền lãi: Tuy trong giấy mượn tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng hai bên đều thừa nhận vay có lãi 3%/tháng là vượt mức quy định của pháp

luật. Nay ông T, bà O yêu cầu mức lãi 1,125%/tháng là nằm trong phạm vi khởi kiện và phù hợp Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, nên chấp nhận. Do đó cần buộc bà D phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày vay (28/11/2016) cho đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (27/11/2018) là 23 tháng 29 ngày.

(60.000.000đ x 1,125%/tháng) x (23 + 29/30) = 16.177.500 đồng

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 357, Điều 468, điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 290, 471, 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho ông Tiêu Văn T và bà Bùi Thị O số tiền: 76.177.500 đồng (bảy mươi sáu triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi 16.177.500 đồng.

Kể từ ngày ông T và bà O có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm trả số tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng thời gian và số tiền chậm thanh toán.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 3.808.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Tiêu Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.862.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018686 ngày 10/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 27/11/2018; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị O có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thái